



INCOMFISH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

A 77/I Đường số 7 KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: 848.37653145 Fax: 848.37653136 E.mail: incomfish@incomfish.com Website: www.incomfish.com

Số: **1.6.9**.../039/1308/TC.ICF

Tp. HCM, ngày 15 tháng 8 năm 2013

V/v: Giải trình ý kiến ngoại trừ của
kiểm toán viên trong báo cáo soát xét
6 tháng đầu năm 2013

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 28.814
	Giờ: Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản
2. Mã chứng khoán : ICF
3. Địa chỉ : Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM
4. Điện thoại : 3765 3145 Fax: 3765 3136

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2013. Trong báo cáo soát xét của Kiểm toán viên có ý kiến ngoại trừ về vấn đề các báo cáo tài chính của các Công ty liên kết chưa được soát xét, nay chúng tôi xin giải trình về ý kiến này như sau:

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2013, do các Công ty liên kết của chúng tôi chưa tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính. Vì vậy, Công ty căn cứ vào các báo cáo tài chính do các Công ty liên kết lập làm cơ sở trích lập các khoản dự phòng đầu tư dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Tuy nhiên, Kiểm toán viên căn cứ theo hướng dẫn tại Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật kiểm toán độc lập. Theo đó, tại khoản d - điều 15 quy định các đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính "Doanh nghiệp mà các tổ chức niêm yết, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán nắm giữ từ 20% quyền biểu quyết trở lên tại thời điểm cuối năm tài chính phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm". Do vậy kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính do doanh nghiệp tự lập chưa đủ cơ sở để xem xét trích lập dự phòng đầu tư dài hạn và đưa ra ý kiến ngoại trừ về vấn đề này.

Trên đây là nội dung giải trình về ý kiến ngoại trừ trên báo cáo soát xét của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu văn thư
- Lưu P.KT



TỔNG GIÁM ĐỐC *Thúc*

Trịnh Bá Hoàng

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Phát Quang	Phó chủ tịch
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Cao Thanh Định	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Khuất Tùng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Triều	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Bá Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



TRỊNH BÁ HOÀNG
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Số: 77/2013/BCKT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013, từ trang 04 đến trang 26 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Giới hạn phạm vi soát xét

Như đã thuyết minh tại mục V.10.1 – trang 17 – thuyết minh báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 của các công ty liên kết chưa được soát xét. Do vậy, chúng tôi không đủ cơ sở để xem xét trích lập dự phòng (nếu có) cho các khoản đầu tư dài hạn này.

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2013 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0182-2013-042-1

Thay mặt và đại diện cho:

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Tp. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2013



Lê Đình Huyền
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 1756-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	01/01/2013
A. Tài sản ngắn hạn	100		237.035.821.103	250.423.234.020
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		379.912.643	573.304.662
1. Tiền	111	V.01	379.912.643	573.304.662
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	241.664.000	192.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		531.000.000	531.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(289.336.000)	(339.000.000)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.03	38.112.762.656	47.940.521.516
1. Phải thu khách hàng	131		21.081.668.779	29.669.389.756
2. Trả trước cho người bán	132		11.778.220.492	12.876.505.436
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		5.252.873.385	5.394.626.324
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	195.198.640.719	199.318.393.339
1. Hàng tồn kho	141		196.038.849.691	200.158.602.311
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(840.208.972)	(840.208.972)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		3.102.841.085	2.399.014.503
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		252.491.287	58.601.094
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		543.637.836	533.204.800
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	655.677.290	542.855.676
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	1.651.034.672	1.264.352.933
B. Tài sản dài hạn	200		159.376.935.740	163.175.288.157
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		66.696.962.276	69.718.819.700
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	43.572.330.309	47.213.019.397
- Nguyên giá	222		120.074.381.725	120.869.049.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.502.051.416)	(73.656.029.893)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.08	2.714.810.908	2.857.633.906
- Nguyên giá	228		5.788.007.600	5.788.007.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.073.196.692)	(2.930.373.694)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	20.409.821.059	19.648.166.397
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.10	78.561.182.824	78.561.182.824
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65.026.276.051	65.026.276.051
3. Đầu tư dài hạn khác	258		13.534.906.773	13.534.906.773
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		14.118.790.640	14.895.285.633
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	14.118.790.640	14.895.285.633
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		396.412.756.843	413.598.522.177

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND


NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	01/01/2013
A. Nợ phải trả		300		222.229.892.663	239.672.111.367
I. Nợ ngắn hạn		310		171.509.941.457	192.102.160.161
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12		141.922.509.361	160.441.560.128
2. Phải trả cho người bán	312	V.13		7.179.230.454	5.058.862.080
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13		624.813.612	3.602.306.296
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314			-	927.133.148
5. Phải trả công nhân viên	315			-	-
6. Chi phí phải trả	316			-	-
7. Phải trả nội bộ	317			-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318			-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14		14.751.561.297	14.895.642.406
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			7.031.826.733	7.176.656.103
II. Nợ dài hạn		330		50.719.951.206	47.569.951.206
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.15		39.719.951.206	40.569.951.206
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.16		11.000.000.000	7.000.000.000
B. Vốn chủ sở hữu		400		174.182.864.180	173.926.410.810
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.17	174.182.864.180	173.926.410.810
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			128.070.000.000	128.070.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			24.156.097.000	24.156.097.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417			9.335.792.066	9.335.792.066
5. Quỹ dự phòng tài chính	418			5.381.877.899	5.381.877.899
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420			7.239.097.215	6.982.643.845
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		396.412.756.843	413.598.522.177
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				30/6/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài				-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi				-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược				-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý				-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)				1.020,00	3.699,30
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				-	-

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



Lại Tuyết Thanh
 Kế toán trưởng
 Ngày 14 tháng 8 năm 2013




 Trịnh Bá Hoàng
 Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		49.202.397.161	38.614.902.181
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	49.202.397.161	38.614.902.181
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	33.090.752.069	23.427.674.336
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.111.645.092	15.187.227.845
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	384.111.746	1.321.559.963
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	7.533.439.446	7.364.424.511
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.758.479.944	6.638.682.133
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	2.305.887.844	1.984.930.635
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	6.363.532.482	7.116.245.949
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		292.897.066	43.186.713
11. Thu nhập khác	31		192.500	250.133.984
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		192.500	250.133.984
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		293.089.566	293.320.697
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	36.636.196	25.665.561
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		256.453.370	267.655.136
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	20	21

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



Lại Tuyết Thanh
 Kế toán trưởng
 Ngày 14 tháng 8 năm 2013





Trịnh Bá Hoàng
 Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

	Mã số	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	293.089.566	293.320.697
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.475.275.685	5.488.129.648
Các khoản dự phòng	03	(49.664.000)	(15.360.000)
Chi phí lãi vay	06	6.758.479.944	6.638.682.133
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	10.477.181.195	12.404.772.478
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	9.317.822.471	59.445.477.844
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.119.752.620	(34.728.624.334)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(5.315.444.791)	5.115.463.054
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	890.841.201	486.438.370
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.520.134.606)	(6.638.682.133)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.130.871.759)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.839.146.331	36.084.845.279
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(177.764.938)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(177.764.938)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	185.078.347.640	224.169.766.333
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(196.110.885.990)	(245.477.949.432)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.032.538.350)	(21.308.183.099)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	(193.392.019)	14.598.897.242
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	60	573.304.662	571.920.205
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	379.912.643	15.170.817.447

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



Lại Tuyết Thanh
 Kế toán trưởng
 Ngày 14 tháng 8 năm 2013



Trịnh Bá Hoàng
 Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 ngày 13/01/2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Vốn điều lệ đăng ký	868.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 30/6/2013	128.070.000.000 đồng

Tổng số lao động của Công ty đến ngày 30/6/2013: 465 người.

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư bổ sung số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009; Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.;

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá hối đoái áp dụng tại ngày 30/6/2013: 21.036 VND/USD

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nhãn hiệu hàng hoá

Nhãn hiệu hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

8. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ đến tháng 9/2049;
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh theo Thông tư 201/2009/BTC được phân bổ vào chi phí tài chính với thời gian là 5 năm;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích dao động từ 03 – 05 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn.

Đầu tư chứng khoán

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

11. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 17% và 7 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

14. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang bên mua.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

15. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế thu nhập chịu thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp. Năm tài chính 2013 là năm thứ 9 Công ty có thu nhập chịu thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2013	01/01/2013
Tiền mặt	207.073.416	59.225.464
Tiền gửi ngân hàng	172.839.227	514.079.198
Cộng	379.912.643	573.304.662
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/6/2013	01/01/2013
Đầu tư chứng khoán	531.000.000	531.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(289.336.000)	(339.000.000)
Cộng giá trị thuần các khoản đầu tư	241.664.000	192.000.000

Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan Dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán	Số lượng cổ phiếu	Giá trị sổ sách ngày 30/6/2013	Giá trị thị trường ngày 30/6/2013	Dự phòng giảm giá chứng khoán
PVD	<u>5.120</u>	<u>531.000.000</u>	<u>241.664.000</u>	<u>(289.336.000)</u>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/6/2013	01/01/2013
Phải thu khách hàng	(3.1) 21.081.668.779	29.669.389.756
Trả trước cho người bán	11.778.220.492	12.876.505.436
Phải thu khác	(3.2) 5.252.873.385	5.394.626.324
Cộng	38.112.762.656	47.940.521.516
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	38.112.762.656	47.940.521.516

(3.1) Bao gồm:	30/6/2013 USD	30/6/2013 Quy ra VND
Phải thu khách hàng bằng ngoại tệ	974.641,68	20.502.562.380
Phải thu khách hàng bằng VND		579.106.399
Cộng		21.081.668.779

(3.2) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Á Châu	1.914.015.766	2.442.000.859
Ông Đặng Văn Đoàn	1.112.400.000	1.112.400.000
Thuế GTGT đầu vào đang chờ hoàn lại	1.255.852.487	1.300.056.327
Phải thu khác	970.605.132	540.169.138
Cộng	5.252.873.385	5.394.626.324

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

	30/6/2013	01/01/2013
4. Hàng tồn kho		
Nguyên vật liệu	154.159.780.251	176.753.461.427
Công cụ dụng cụ	2.569.593.732	2.564.370.739
Thành phẩm tồn kho	33.911.783.968	14.388.026.830
Hàng gửi bán, gia công	5.397.691.740	6.452.743.315
Cộng	<u>196.038.849.691</u>	<u>200.158.602.311</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(840.208.972)	(840.208.972)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	<u>195.198.640.719</u>	<u>199.318.393.339</u>

Hàng tồn kho trong kho lạnh dùng thể chấp cho các khoản vay thuyết minh tại mục 12 đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Công ty Bảo Việt Sài Gòn số HCM.D26.IAR.13.HD63 (HSBC) ngày 18/4/2013. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 18/4/2013 đến ngày 18/4/2014).

	30/6/2013	01/01/2013
5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế nhập khẩu tạm nộp	406.607.993	490.396.848
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	81.966.882	52.458.828
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	167.102.415	-
Cộng	<u>655.677.290</u>	<u>542.855.676</u>

	30/6/2013	01/01/2013
6. Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng	1.142.689.905	781.008.166
Tài sản thiếu chờ xử lý	483.344.767	483.344.767
Ký quỹ, ký cược	25.000.000	-
Cộng	<u>1.651.034.672</u>	<u>1.264.352.933</u>

	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
7. Tài sản cố định hữu hình					
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	43.784.820.907	67.751.447.006	7.291.010.662	2.041.770.715	120.869.049.290
Giảm	66.137.367	423.485.162	44.540.100	260.504.936	794.667.565
- Phân loại lại	66.137.367	423.485.162	44.540.100	260.504.936	794.667.565
Số dư cuối kỳ	<u>43.718.683.540</u>	<u>67.327.961.844</u>	<u>7.246.470.562</u>	<u>1.781.265.779</u>	<u>120.074.381.725</u>
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	18.740.890.246	49.041.623.030	4.167.283.144	1.706.233.473	73.656.029.893
Tăng	917.918.537	1.942.896.509	404.119.889	67.517.752	3.332.452.687
- Khấu hao	917.918.537	1.942.896.509	404.119.889	67.517.752	3.332.452.687
Giảm	27.857.405	307.256.352	22.914.526	128.402.881	486.431.164
- Phân loại lại	27.857.405	307.256.352	22.914.526	128.402.881	486.431.164
Số dư cuối kỳ	<u>19.630.951.378</u>	<u>50.677.263.187</u>	<u>4.548.488.507</u>	<u>1.645.348.344</u>	<u>76.502.051.416</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	25.043.930.661	18.709.823.976	3.123.727.518	335.537.242	47.213.019.397
Số dư cuối kỳ	<u>24.087.732.162</u>	<u>16.650.698.657</u>	<u>2.697.982.055</u>	<u>135.917.435</u>	<u>43.572.330.309</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

7. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tài sản cố định giảm là do phân loại lại tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu đồng sang chi phí trả trước dài hạn.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.438.568.124 đồng.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thể chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 12 và 16 đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương số 00-02/TS02/13/0006 ngày 08/7/2013. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 08/7/2013 đến ngày 30/9/2013.

8. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.712.920.000	75.087.600	5.788.007.600
Tăng	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5.712.920.000	75.087.600	5.788.007.600
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	2.855.286.094	75.087.600	2.930.373.694
Tăng	142.822.998	-	142.822.998
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.998.109.092	75.087.600	3.073.196.692
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.857.633.906	-	2.857.633.906
Số dư cuối kỳ	2.714.810.908	-	2.714.810.908

Phần mềm kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 75.087.600 đồng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

		30/6/2013	01/01/2013
Chi phí đầu tư vùng nuôi	(*)	20.271.821.059	19.510.166.397
Chi phí mua sắm tài sản cố định		138.000.000	138.000.000
Cộng		20.409.821.059	19.648.166.397

(*) Trong đó, chi phí lãi vay đã được vốn hóa là 1.521.535.350 đồng.

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		30/6/2013	01/01/2013
Đầu tư vào Công ty liên kết	(10.1)	65.026.276.051	65.026.276.051
Đầu tư dài hạn khác	(10.2)	13.534.906.773	13.534.906.773
Dự phòng giảm giá		-	-
Cộng		78.561.182.824	78.561.182.824

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

10. 1. Đầu tư vào Công ty liên kết

Tên Công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư	
		30/6/2013	01/01/2013
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga	(a) 21,07%	39.600.000.000	39.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ	(b) 49,00%	14.992.000.000	14.992.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Châu Âu	(c) 49,00%	10.434.276.051	10.434.276.051
Cộng		65.026.276.051	65.026.276.051

(a) Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga với mục đích xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 410202611 ngày 22/12/2008, tỷ lệ vốn góp: 21,07% tương đương 43.560.000.000 đồng. Số vốn thực góp đến ngày 30/6/2013 là 39.600.000.000 đồng tương đương 19% vốn điều lệ (Tổng vốn điều lệ: 206.759.195.000 đồng).

(b) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 30/6/2013 là 900.000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng.

(c) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Châu Âu (Incomfish EU) tại Vương Quốc Bỉ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 30/6/2013 là 454.368.95 EUR tương đương 10.434.276.051 đồng.

Các báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 của các công ty liên kết trên chưa được kiểm toán.

10. 2. Đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư	
		30/6/2013	01/01/2013
Công ty TNHH Thương mại Ve Ga	(a) 5,38%	4.634.906.773	4.634.906.773
Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu	(b)	8.900.000.000	8.900.000.000
Cộng		13.534.906.773	13.534.906.773

(a) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại Ve Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305727544 ngày 23/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 4 ngày 08/9/2011. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 4.634.907.000 đồng tương đương 5,38% vốn điều lệ.

(b) Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu với mục đích xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh tại tỉnh Đồng Tháp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/8/2007. Tính đến ngày 30/6/2013, số vốn góp của Công ty là 8.900.000.000 đồng tương đương 2,42% vốn điều lệ.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2013	01/01/2013
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	484.674.496	325.631.958
Tiền thuê đất (*)	9.624.426.833	9.757.849.013
Chênh lệch tỷ giá chờ phân bổ	2.361.980.956	2.624.423.284
Chi phí mua sắm của các dự án	1.133.425.382	1.492.261.166
Chi phí trả trước dài hạn khác	514.282.973	695.120.212
Cộng	14.118.790.640	14.895.285.633

(*) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 424/HĐ-TLĐ-2000 ngày 27/9/2000 và Phụ lục số 1 ngày 25/5/2006 về việc thuê lại đất tại Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - KCN Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - TP.HCM. Diện tích thuê: 20.802 m². Thời hạn thuê đến tháng 9/2049.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

12. Vay và nợ ngắn hạn		30/6/2013	01/01/2013
Vay ngắn hạn (VND)		85.835.294.345	80.618.672.312
Vay ngắn hạn (USD)		56.087.215.016	78.310.523.414
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả		-	1.512.364.402
Cộng		141.922.509.361	160.441.560.128

Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn

Ngân hàng HSBC	(12.1)	36.465.953.842	51.470.757.866
- Tiền Việt Nam (VND)		23.896.820.150	44.681.037.729
- Tiền ngoại tệ (597,505.88 USD)		12.569.133.692	6.789.720.137
Ngân hàng Vietcombank	(12.2)	97.399.767.519	95.481.313.861
- Tiền Việt Nam (VND)		61.938.474.195	31.937.634.583
- Tiền ngoại tệ (1,685,743.17 USD)		35.461.293.324	63.543.679.278
Ngân hàng Eximbank	(12.3)	8.056.788.000	7.977.124.000
- Tiền ngoại tệ (383,000.00 USD)		8.056.788.000	7.977.124.000
Vay cá nhân Bà Nguyễn Thị Kim Xuân		-	4.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		-	1.512.364.402
Cộng		141.922.509.361	160.441.560.128

(12.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng HSBC theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM CDT 050234 ngày 04/10/2011 và thỏa thuận sửa đổi lần thứ 7 ngày 09/4/2013 với tổng hạn mức là 2,500,000.00 USD; thời hạn trong vòng 150 ngày tính từ ngày giải ngân; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Các khoản phải thu của Công ty theo Hợp đồng thế chấp số VNM CDT 080174/MR;
- Hàng hoá tồn kho của Công ty và thư xác nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng theo hợp đồng bảo hiểm nhà kho và hàng hoá từ Công ty Bảo hiểm theo Hợp đồng thế chấp số VNM CDT 080174/MS;
- Quyền sử dụng đất tại xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh của bà Nguyễn Thị Kim Xuân với trị giá 8.041.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ 3 số VNM 130310/L ngày 12/6/2013;
- Máy móc thiết bị với trị giá 881,853.00 USD theo hợp đồng thế chấp số VNM CDT 080174M/M.

(12.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng tín dụng số 0116/KH/12NH ngày 26/4/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 07/6/2013 với tổng hạn mức là 100 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này là quyền sở hữu nhà xưởng tại Lô A74/I, A75/I, A76/I, A77/I, đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh và máy móc thiết bị của Công ty với giá trị theo định giá là 14.585.000.000 đồng chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/4/2012.

(12.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2012-01089 ngày 29/6/2012. Hạn mức tín dụng 8 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương trong thời hạn 01 năm, lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012.

13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước		30/6/2013	01/01/2013
Phải trả người bán	(*)	7.179.230.454	5.058.862.080
Người mua trả tiền trước		624.813.612	3.602.306.296
Cộng		7.804.044.066	8.661.168.376

(*) Bao gồm:		31/12/2012	31/12/2012
		USD	Quy ra VND
Phải trả người bán bằng ngoại tệ		43.925,15	924.009.455
Phải trả người bán bằng VND			6.255.220.999
Cộng			7.179.230.454

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

	30/6/2013	01/01/2013
14. Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN phải nộp	425.561.888	109.567.359
Kinh phí công đoàn	1.782.990.787	1.584.243.117
Các khoản phải trả khác	(14.1) 12.543.008.622	13.201.831.930
Cộng	14.751.561.297	14.895.642.406

(14.1) Chi tiết các khoản phải trả khác

Phải trả tiền mượn góp vốn của cá nhân	11.483.000.000	11.483.000.000
Tiền thâm niên giữ lại	861.778.072	1.595.013.461
Các khoản phải trả khác	198.230.550	123.818.469
Cộng	12.543.008.622	13.201.831.930

	30/6/2013	01/01/2013
15. Phải trả dài hạn khác		
Phải trả dài hạn tiền vay mượn của cá nhân	(*) 39.719.951.206	40.569.951.206

(*) Bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	15.463.139.561	15.463.139.561
- Bà Nguyễn Thị Kim Thùy	21.856.811.645	22.506.811.645
- Bà Nguyễn Thị Kim Thu	2.400.000.000	2.600.000.000
Cộng	39.719.951.206	40.569.951.206

Các khoản mượn tiền của các cá nhân này có thời gian trả nợ trên 1 năm và không tính lãi suất.

	30/6/2013	01/01/2013
16. Vay và nợ dài hạn		
Ngân hàng Eximbank	(16.1) 7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng HSBC	-	1.512.364.402
Vay cá nhân dài hạn	(16.2) 4.000.000.000	-
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	-	(1.512.364.402)
Cộng	11.000.000.000	7.000.000.000

(16.1) Vay dài hạn 7.000.000.000 đồng từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (Eximbank) theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2012-01088 ngày 29/6/2012; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân; mục đích vay: thanh toán tiền thuê ao nuôi theo Hợp đồng thuê đất số 010/0512/HĐKT/KD/ACF-ICF ngày 15/5/2012. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay này là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, khu phố 2, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012.

(16.2) Vay dài hạn từ Bà Nguyễn Thị Kim Xuân theo hợp đồng vay dài hạn số 011/HĐVN/2013/ICF ngày 01/01/2013 với lãi suất vay 130% nhân với lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại từng thời điểm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 30/6/2013
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	128.070.000.000	-	-	128.070.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	24.156.097.000	-	-	24.156.097.000
Quỹ đầu tư phát triển	9.335.792.066	-	-	9.335.792.066
Quỹ dự phòng tài chính	5.381.877.899	-	-	5.381.877.899
Lợi nhuận chưa phân phối	6.982.643.845	256.453.370	-	7.239.097.215
Cộng	173.926.410.810	256.453.370	-	174.182.864.180

Cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	86.800.000	86.800.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	12.807.000	12.807.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	12.807.000	12.807.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	12.807.000	12.807.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Doanh thu bán hàng	47.481.344.557	38.105.641.997
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.721.052.604	509.260.184
Cộng	49.202.397.161	38.614.902.181
Các khoản giảm trừ	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Cộng doanh thu thuần (*)	49.202.397.161	38.614.902.181

(*) Chi tiết doanh thu	USD	VND	Quy ra VND
Doanh thu xuất khẩu	2.206.159,71	-	45.996.769.320
Doanh thu bán hàng nội địa	-	1.484.575.237	1.484.575.237
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.721.052.604	1.721.052.604
Cộng	2.206.159,71	3.205.627.841	49.202.397.161

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

2. Giá vốn hàng bán	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Giá vốn thành phẩm xuất bán	33.090.752.069	23.427.674.336
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	-	-
Cộng	33.090.752.069	23.427.674.336
3. Doanh thu hoạt động tài chính	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Lãi tiền gửi, cho vay	23.979.326	314.044.900
Lãi chênh lệch tỷ giá	360.132.420	1.007.515.063
Cộng	384.111.746	1.321.559.963
4. Chi phí hoạt động tài chính	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Chi phí lãi vay	6.758.479.944	6.638.682.133
Lỗ chênh lệch tỷ giá	824.623.502	741.102.378
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(49.664.000)	(15.360.000)
Cộng	7.533.439.446	7.364.424.511
5. Chi phí bán hàng	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Chi phí lương nhân viên bán hàng	823.162.848	929.408.689
Chi phí xuất hàng	1.108.503.349	764.395.541
Chi phí tham gia hội chợ	88.203.086	151.516.819
Chi phí bằng tiền khác	286.018.561	139.609.586
Cộng	2.305.887.844	1.984.930.635
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Chi phí lương nhân viên quản lý	4.928.868.189	4.821.351.348
Chi phí công cụ dụng cụ	73.554.083	57.684.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	282.018.072	342.634.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	780.618.662	1.005.344.565
Chi phí bằng tiền khác	298.473.476	889.231.055
Cộng	6.363.532.482	7.116.245.949

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	293.089.566	293.320.697
Các khoản chi phí không được khấu trừ		-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	293.089.566	293.320.697
Tỷ lệ thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phát sinh	73.272.392	73.330.174
Thuế TNDN được giảm do hưởng ưu đãi	36.636.196	36.665.087
Thuế TNDN được giảm 30%	-	10.999.526
Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.636.196	25.665.561

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	256.453.370	267.655.136
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	256.453.370	267.655.136
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.807.000	12.807.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	21

9. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Chi phí nguyên vật liệu	114.387.496.341	98.893.807.700
Chi phí nhân công	12.129.991.896	12.645.437.979
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.475.275.685	5.488.129.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.546.355.373	3.723.366.263
Chi phí bằng tiền khác	2.284.643.426	1.872.857.832
Cộng	135.823.762.721	122.623.599.422

VII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

	Mối quan hệ		6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Bán hàng				
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	Bên liên quan	VND	601.302.800	481.146.320
Công ty TNHH Sa Ga	Bên liên quan	VND	5.900.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan (tiếp theo)

	Mối quan hệ		6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Mua hàng				
Công ty TNHH Sa Ga	Bên liên quan	VND	-	1.317.796.323
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	Bên liên quan	VND	22.095.238	482.214.874

Số dư đối với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	Mối quan hệ		30/6/2013	01/01/2013
Phải thu				
Incomfish US	Bên liên quan	USD	103.448,00	123.448,00
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	Bên liên quan	VND	-	1.375.761.961
Nợ phải trả				
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	Bên liên quan	VND	706.960.763	683.760.763
Công ty TNHH Sa Ga	Bên liên quan	VND	37.369.242	1.223.169.242
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch HĐQT	VND	19.463.139.561	19.463.139.561
Ông Nguyễn Phát Quang	Phó Chủ tịch	VND	9.800.000.000	9.800.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên	VND	2.400.000.000	2.600.000.000

2. Quản lý rủi ro tài chính

a. Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD") và đồng Euro ("EUR").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD và EUR là như sau:

	Tại ngày 30/6/2013			
	Gốc ngoại tệ		Tương đương VND	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	1.020,00	250,00	21.464.924	6.885.250
Phải thu khách hàng	974.641,68	-	20.502.562.380	-
Tổng cộng	975.661,68	250,00	20.524.027.304	6.885.250
Nợ tài chính				
Phải trả người bán	43.925,15	-	924.009.455	-
Vay và nợ ngắn, dài hạn	2.666.249,05	-	56.087.215.016	-
Tổng cộng	2.710.174,20	-	57.011.224.471	-
Mức độ rủi ro tiền tệ	(1.734.512,52)	-	(36.487.197.167)	6.885.250

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 30/6/2013, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (3.648.719.717) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Tại ngày 30/6/2013, nếu đồng Euro mạnh/(yếu) đi 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là 688.525 đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Euro còn lại.

(ii) Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty liên kết chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm qua.

(iii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Các khoản đầu tư

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

b. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 38.112.762.656 đồng.

c. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong thời kỳ tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 30/6/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Vay và nợ ngắn, dài hạn	141.922.509.361	11.000.000.000	-	152.922.509.361
Phải trả người bán	7.179.230.454	-	-	7.179.230.454
Người mua trả trước	624.813.612	-	-	624.813.612
Các khoản phải trả khác	14.751.561.297	39.719.951.206	-	54.471.512.503
Cộng	164.478.114.724	50.719.951.206	-	215.198.065.930
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ ngắn, dài hạn	160.441.560.128	7.000.000.000	-	167.441.560.128
Phải trả người bán	5.058.862.080	-	-	5.058.862.080
Người mua trả trước	3.602.306.296	-	-	3.602.306.296
Các khoản phải trả khác	14.895.642.406	40.569.951.206	-	55.465.593.612
Cộng	183.998.370.910	47.569.951.206	-	231.568.322.116

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, và các khoản phải thu (thuyết minh tại Mục số 12 và 16 - Phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30/6/2013 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÙY SÂN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 30/6/2013	Giá trị sổ sách	Tăng	Giảm	Đơn vị tính: ngàn đồng	
				Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	531.000	-	(289.336)	241.664	(289.336)
Đầu tư dài hạn					
Đầu tư vào Công ty liên kết	65.026.276	-	-	65.026.276	-
Đầu tư dài hạn khác	13.534.907	-	-	13.534.907	-
Tổng cộng	79.092.183	-	(289.336)	78.802.847	(289.336)

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng khi kết thúc năm tài chính tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc của khoản đầu tư.

3. Dữ liệu tương ứng

Một số chỉ tiêu của báo cáo tài chính năm trước đã được trình bày lại cho phù hợp với các chỉ tiêu của báo cáo tài chính năm nay.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Lại Tuyết Thanh
Kế toán trưởng
Ngày 14 tháng 8 năm 2013



Trịnh Bá Hoàng
Tổng Giám đốc